

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở  
và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

**Công trình: CSHT KHU DÂN CƯ VÀ CHỢ QUÁN MỐI - PHƯỚC LỘC**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Quyết định số 66/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 11/11/2021 của HĐND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư công trình: CSHT Khu dân cư và chợ Quán Mối - Phước Lộc;*

*Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: CSHT khu dân cư và chợ Quán Mối - Phước Lộc;*

*Căn cứ Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn công trình: CSHT khu dân cư và chợ Quán Mối - Phước Lộc;*

*Căn cứ Quyết định số 8766/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý;*

*Căn cứ Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình: CSHT khu dân cư và chợ Quán Mới - Phước Lộc do Liên danh Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hội quy hoạch Bình Định và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78 lập, đã được Công ty CP Tư vấn Kỹ thuật Năng Lượng thẩm tra tại Văn bản số 17A/2022/CV-EEC ngày 20/11/2022, Sở Công Thương Bình Định thẩm định tại Văn bản số 1868/SCT-QLNL ngày 04/11/2022, Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Bình Định thẩm tra tại Văn bản số 119/KQTT-BIDESCO ngày 15/12/2022, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định tại Văn bản số 241/PKTHT-KQTD ngày 30/12/2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện tại Tờ trình số 131/TTr-BQL ngày 07/03/2023 và của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 126/TTr-PTCKH ngày 07/03/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: **CSHT khu dân cư và chợ Quán Mới - Phước Lộc**, với các nội dung như sau:

**1. Người phê duyệt:** Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước.

**2. Tên công trình:** CSHT khu dân cư và chợ Quán Mới - Phước Lộc.

**3. Loại, cấp công trình:** công trình hạ tầng kỹ thuật; cấp III.

**4. Địa điểm xây dựng:** xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước.

**5. Nhà thầu khảo sát và lập thiết kế xây dựng:** Liên danh Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hội quy hoạch Bình Định và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78 .

**6. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:** Công ty CP Tư vấn Kỹ thuật Năng Lượng và Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Bình Định.

**7. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật:**

**7.1. San nền:**

- Tổng diện tích san nền:  $S = 3,1\text{ha}$ .

- Cao độ san nền từ  $+6,10\text{m} \div +6,50\text{m}$ .

- Đắp đất với độ chặt yêu cầu  $K90 \div K95$ .

**7.2. Hệ thống giao thông:**

- Xây dựng 07 tuyến đường với tổng chiều dài 992,51m, cụ thể như sau:

| <b>TT</b> | <b>Tên đường</b> | <b>Lộ giới (m)</b> | <b>Mặt cắt ngang (m)</b>    | <b>Chiều dài (m)</b> |
|-----------|------------------|--------------------|-----------------------------|----------------------|
| 1         | ĐS1              | 14                 | 3,5 - 7,0 - 3,5             | 158,60               |
| 2         | ĐS2              | 14                 | 3,5 - 7,0 - 3,5             | 140,59               |
| 3         | ĐS3              | 14                 | 3,5 - 7,0 - 3,5             | 164,50               |
|           |                  | 26,5               | 3,5 - 7,0 - 5,5 - 7,0 - 3,5 |                      |

|                  |     |    |                 |               |
|------------------|-----|----|-----------------|---------------|
| 4                | ĐS4 | 14 | 3,5 - 7,0 - 3,5 | 181,91        |
| 5                | ĐS5 | 14 | 3,5 - 7,0 - 3,5 | 72,76         |
| 6                | ĐS6 | 14 | 3,5 - 7,0 - 3,5 | 132,20        |
| 7                | ĐS7 | 14 | 3,5 - 7,0 - 3,5 | 141,95        |
| <b>Tổng cộng</b> |     |    |                 | <b>992,51</b> |

- Kết cấu mặt đường: lu tăng cường mặt đường đạt K98 dày 30cm; lót bạt nhựa tái sinh và xây dựng mặt đường BTXM đá 2x4 B20 dày 20cm.

- Kết cấu bó vỉa hè, dải phân cách bằng BTXM đá 1x2 B20.

- Gia cố mái taluy với chiều dài 56,38m.

### **7.3. Hệ thống thoát nước mưa:**

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa với chiều dài 1.295,5m, gồm: 6m cống D1.000mm, 112,5m cống D800mm, 280m cống D600mm, 230m cống D400mm và 667m mương bê tông B600.

- Xây dựng 60 hố gas thăm các loại và 60 hố thu nước mặt bằng BTCT B20 đá 1x2, các hố gas dưới đường sử dụng nắp đậy bằng gang.

### **7.4. Xây dựng chợ Quán Mối:**

- Xây dựng nhà lồng chợ, diện tích 730m<sup>2</sup>. Kết cấu móng đơn, cột BTCT đá 1x2 B20, khung kèo thép chữ I, kèo đầu hồi bằng BTCT, mái lợp tole, sênô BTCT. Tường xây gạch không nung dày 200mm ốp gạch ceramic kết hợp sơn matiz. Nền lát gạch ceramic chống trượt, kệ quầy bán hàng xây gạch - mặt ốp gạch ceramic.

- Xây dựng quản lý điều hành, diện tích 20m<sup>2</sup>. Kết cấu móng, cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 B20. Tường xây gạch không nung dày 200mm, sơn matiz. Nền lát gạch ceramic. Cửa kính khung nhôm.

- Xây dựng nhà vệ sinh kết hợp chứa rác thải, diện tích 53m<sup>2</sup>. Kết cấu móng, cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 B20. Tường xây gạch không nung dày 200mm, sơn matiz. Nền lát gạch ceramic. Cửa kính khung nhôm.

- Sân + đường nội bộ kết cấu bằng BTXM đá 2x4 dày 200mm trên lớp đất nền lu chặt.

- Khu vực kinh doanh không thường xuyên kết cấu bằng BTXM đá 2x4 dày 100mm trên lớp đất nền lu chặt.

- Xung quanh chợ lắp đặt trụ inox 304 tạo dải ngăn cách mềm với hệ thống giao thông bên ngoài.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ diện tích 325m<sup>2</sup>, xây gạch đặc bao quanh khu vực trồng cỏ.

- Xây dựng bãi đậu xe diện tích 331m<sup>2</sup>. Kết cấu bằng BTXM đá 2x4 dày 200mm trên lớp đất nền lu chặt.

### **7.5. Hệ thống cấp điện và chiếu sáng:**

- Xây dựng mới 02 TBA 22/0,4 - 250kVA kiểu búp sen để cấp điện cho khu vực dân cư và chiếu sáng công cộng.

- Thực hiện đấu nối phân đoạn trung thế 22kV tại vị trí cột C28/35/7/11 XT471/ANH (cột hiện có trước TBA di dời), đi cáp ngầm theo mương cáp, nền đất via hè cáp đến tủ điện trung thế RMU-3N-24kV tại công viên CX-01; 02 nhánh rẽ 22kV đi ngầm sau tủ RMU-3N cáp đến 02 TBA 22/0,4kV khu dân cư mới.

- Xây dựng mới tuyến điện 22kV dài 365m đi ngầm trong mương đất, sử dụng cáp ngầm trung áp 22kV CXV/SE-DSTA 3x(50-95)mm<sup>2</sup>.

- Xây dựng mới 02 hệ đường dây hạ thế 0,4kV dài 1.110m đi ngầm trong mương đất, sử dụng cáp ngầm chiếu sáng CVV/DSTA 4x(35-95)mm<sup>2</sup>; lắp đặt các tủ điện phân phối hạ thế 0,4kV.

- Xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng đi ngầm dài 2.402m, sử dụng cáp ngầm chiếu sáng CVV/DSTA 4x(6-10)mm<sup>2</sup>. Sử dụng các bộ đèn chiếu sáng bằng bóng led công suất 70W.

#### **7.6. Di dời đường dây 35/22kV và TBA:**

- Tháo dỡ - di dời lên via hè 01 TBA 22/0,4kV-250kVA Trung Thành 2 cột hình pi, trạm nổi hiện hữu nằm trong lòng đường.

- Tháo dỡ - di dời tuyến trung thế 35kV hiện hữu đoạn băng cắt ngang dự án theo hành lang kỹ thuật đường ĐS4 và ĐS7.

- Tháo dỡ, di dời và phục hồi tuyến hạ thế cáp điện dân hiện hữu.

#### **7.7. Nâng cao tĩnh không đường dây 110kV:**

Nâng cao tĩnh không tuyến cao thế 110kV đoạn băng qua dự án đảm bảo vị trí vùng cực đại đường dây cao  $H_v.\max \geq 15m$  so với cos hoàn thiện via hè - mặt đường giao thông.

#### **8. Giá trị dự toán xây dựng: 36.034.948.000 đồng.**

*(Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ, không trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng).*

*Trong đó:*

|                        |                      |
|------------------------|----------------------|
| - Chi phí xây dựng:    | 29.021.370.000 đồng; |
| - Chi phí thiết bị:    | 2.073.612.000 đồng;  |
| - Chi phí QLDA:        | 610.789.000 đồng;    |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD: | 1.998.576.000 đồng;  |
| - Chi phí khác:        | 614.652.000 đồng;    |
| - Chi phí dự phòng:    | 1.715.949.000 đồng.  |

**9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:** Theo hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở do Liên danh Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hội quy hoạch Bình Định và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78 lập, đã được Công ty CP Tư vấn Kỹ thuật Năng Lượng thẩm tra tại Văn bản số 17/2022/CV-EEC ngày 30/09/2022, Sở Công Thương Bình Định thẩm định tại Văn bản số 1868/SCT-QLNL ngày 04/11/2022, Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Bình Định thẩm tra tại Văn bản số 119/KQTT-BIDESCO ngày 15/12/2022, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định tại Văn bản số 241/PKTHHT-KQTĐ ngày 30/12/2022.

**10. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**11. Hình thức quản lý dự án:** Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện là đại diện Chủ đầu tư và trực tiếp quản lý dự án.

**12. Thời gian thực hiện:** Năm 2021 - 2023.

**13. Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Theo Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành.

**14. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

| T<br>T                                | Tên gói thầu                                       | Giá gói thầu<br>(1.000 VNĐ)   | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng |
|---------------------------------------|--|---|-----------|-----------------------------|-------------------------------|---|---------------|------------------------------|
| 1                                     | Tư vấn lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp + thiết bị | 101.967   | NS<br>NN  | Chỉ định thầu               | Thương thảo HĐ                | Quý I/2023                                  | Trọn gói      | 30 ngày                      |
| 2                                     | Tư vấn lập HSMT & đánh giá HSDT giám sát           | 6.380   | NS<br>NN  | Chỉ định thầu               | Thương thảo HĐ                | Quý I/2023                                  | Trọn gói      | 30 ngày                      |
| 3                                     | Tư vấn giám sát thi công                           | 781.934   | NS<br>NN  | Đấu thầu rộng rãi qua mạng  | 01 giai đoạn, 02 túi HS       | Quý I-II/2023                               | Trọn gói      | 300 ngày                     |
| 4                                     | Bảo hiểm xây lắp                                   | 55.140  | NS<br>NN  | Chỉ định thầu               | Thương thảo HĐ                | Quý II/2023                                 | Trọn gói      | 300 ngày                     |
| 5                                     | Lập Báo cáo ĐTM                                    | 150.000   | NS<br>NN  | Chỉ định thầu               | Thương thảo HĐ                | Quý II/2023                                 | Trọn gói      | 100 ngày                     |
| 6                                     | Xây lắp + thiết bị                                 | 31.094.982<br>(Trong đó:<br>CP xây dựng:<br>29.021.370;<br>CP thiết bị:<br>2.073.612) | NS<br>NN  | Đấu thầu rộng rãi qua mạng  | 01 giai đoạn, 02 túi HS       | Quý I-II/2023                               | Trọn gói      | 300 ngày                     |
| <b>Tổng cộng: 32.190.403.000 đồng</b> |  |   |           |                             |                               |   |               |                              |

**Điều 2.** Quyết định này làm cơ sở để thực hiện dự án và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Giao Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn tất các thủ tục còn lại theo quy định để triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Lộc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Lưu HS (10);
- Lưu VT.K<sub>3</sub>. T16.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Nam**